

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~4797~~UBND-KTN

Quảng Ngãi, ngày ~~22~~ tháng 9 năm 2022

V/v phân bổ vốn đầu tư công  
từ nguồn thu xổ kiến thiết  
năm 2022 thực hiện  
Chương trình MTQG  
xây dựng nông thôn mới và  
các chương trình, dự án khác

Kính gửi:

- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư,  
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,  
Giao thông vận tải;
- Tỉnh đoàn Quảng Ngãi;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND huyện Bình Sơn và thị xã Đức Phổ.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1911/SKHĐT-KTN ngày 15/9/2022 về việc phân bổ vốn đầu tư công từ nguồn thu xổ kiến thiết năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất với nội dung, danh mục dự án được bố trí từ nguồn vốn xổ số kiến thiết năm 2022 để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại các Quyết định của UBND tỉnh: số 846/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác và số 1014/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 về việc điều chỉnh một số nội dung tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh như đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản nêu trên (*Chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cấp phát, theo dõi kế hoạch vốn từ nguồn thu xổ kiến thiết năm 2022 đối với các nội dung, danh mục dự án nêu trên theo quy định.

3. Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; Tỉnh đoàn Quảng Ngãi, UBND huyện Bình Sơn và thị xã Đức Phổ chịu trách nhiệm đôn đốc các đơn vị trực thuộc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, đảm bảo hoàn thành kế hoạch vốn được giao.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan khẩn trương triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, CBTH;
- Lưu VT, KTN(tnh224).

**CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Minh**

Phụ lục:

## PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH (NGUỒN THU XỔ SỞ KIẾN THIẾT)

## THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỘT SỐ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÁC

Kèm theo Công văn số 4797/UBND ngày 22/9/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng số	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025		Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
			Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh			Ngân sách tỉnh	Trong đó: Nguồn vốn XS KT	
	<b>Tổng</b>	<b>373.187,0</b>	<b>2.167,4</b>	<b>371.019,7</b>	<b>66.905,0</b>	-	<b>66.905,0</b>	<b>40.000,0</b>	
<b>I</b>	<b>Bình Sơn</b>	<b>43.200,0</b>	-	<b>43.200,0</b>	<b>18.600,0</b>	-	<b>18.600,0</b>	<b>8.000,0</b>	
1	Xã Bình Chánh	14.400,0	-	14.400,0	7.707,0	-	7.707,0	3.000,0	
2	Xã Bình Thuận	14.400,0	-	14.400,0	5.443,0	-	5.443,0	2.500,0	
3	Xã Bình Hải	14.400,0	-	14.400,0	5.450,0	-	5.450,0	2.500,0	
<b>II</b>	<b>Đức Phổ</b>	<b>36.962,0</b>	<b>2.167,4</b>	<b>34.794,7</b>	<b>15.300,0</b>	-	<b>15.300,0</b>	<b>6.000,0</b>	
1	Xã Phổ Nhơn	22.562,0	2.167,4	20.394,7	7.650,0		7.650,0	3.000,0	
2	Xã Phổ Khánh	14.400,0	-	14.400,0	7.650,0		7.650,0	3.000,0	
<b>III</b>	<b>Lâm nghiệp</b>	<b>13.025,0</b>	-	<b>13.025,0</b>	<b>6.030,0</b>	-	<b>6.030,0</b>	<b>4.030,0</b>	
1	Mô hình trồng rừng phòng hộ và Mô hình trồng đại cây xanh phân định ranh giới giữa các loại rừng	785,0	-	785,0	780,0	-	780,0	780,0	

TT	Địa phương	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2022				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Ngân sách TW	Trong đó:		
			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh			Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn XSKT	
2	Kế hoạch trồng cây phân tán của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2018-2020	250,0	-	250,0	250,0		250,0	250,0	
3	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2011-2020	11.990,0	-	11.990,0	5.000,0	-	5.000,0	3.000,0	
IV	Đề án hỗ trợ xi măng để xây dựng đường giao thông nông thôn - miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025	280.000,0	-	280.000,0	26.975,0	-	26.975,0	21.970,0	